TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TỪ SƠN** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08/8/2023
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TỪ SƠN, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Dương Ngọc Sáng, ông Ngô Xuân Hải.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Chinh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Từ Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2023/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023 về việc "ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1981; Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1978; Có mặt.

Cùng địa chỉ: Khu phố K, phường H, thành phố T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày: Chị H kết hôn với anh Nguyễn Tiến D trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã T (nay là phường H, thành phố T), tỉnh Bắc Ninh vào tháng 4 năm 2000. Sau khi kết hôn vợ chồng sống H thuận, hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D ham chơi đánh bạc, không tu chí làm kinh tế, sau đó vợ chồng đã phải bán 01 nhà đất để trả khoản nợ khoảng 2.000.000.000 đồng tiền anh D nợ tiền đánh bạc. Từ năm 2020, do kinh tế khó khăn phải đi làm xa nhà nên không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, chị và anh D tự quyết định mọi vấn đề, không thể bàn bạc, trao đổi, không thống nhất được với nhau bất kỳ vấn đề nào trong việc phát triển kinh tế cũng như công việc gia đình. Chị xác định không còn tình cảm với anh D và không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh T, sinh năm 2000 và cháu Nguyễn Doãn S, sinh năm 2002. Cả hai cháu đã trưởng thành, phát triển khỏe mạnh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại chị không có thai.

Tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản lấy lời khai cũng như quá trình làm việc tại Tòa án, bị đơn là anh Nguyễn Tiến D công nhận lời trình bày của chị H về thời điểm kết hôn, tình trạng hôn nhân là đúng. Anh thừa nhận, cả hai có thời gian không quan tâm, chăm sóc nhau, tự mình quyết định mọi vấn đề vì không thể trao đổi, bàn bạc thống nhất được với nhau mọi vấn đề trong cuộc sống. Anh thừa nhận năm 2017 đã đánh bạc thua khoản tiền lớn phải bán nhà để trả nợ. Kinh tế gia đình khó khăn nên phải bán nốt nhà đất để trả nợ ngân hàng. Anh nhận thấy bản thân mình có lỗi trong cuộc hôn nhân này, mong muốn chị H cho anh một cơ hội để thay đổi và mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh D công nhận lời trình bày của chị H là đúng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành H giải vụ án theo đúng quy định của pháp luật nhưng không H giải được, vì vậy Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Nguyễn Tiến D. Về con chung, tài sản chung, công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Tiến D thừa nhận mình là người có lỗi đối với chị H, cả hai không có tiếng nói chung, không thể bàn bạc, thống nhất bất kỳ vấn đề nào trong cuộc sống nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị H, mong muốn đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn. Về con chung, tài sản chung, công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Từ Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử kể từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến phần tranh luận tại phiên toà là đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn lúc đầu không lên làm việc dẫn đến phải kéo dài thời hạn giải quyết vụ án là không thực hiện đúng và đầy đù quyền và nghĩa của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 232, 235, 262, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội;

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H. Cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Tiến D.

Về con chung, tài sản chung, công nợ: không yêu cầu.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Trần Thị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn nên đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Bị đơn là anh Nguyễn Tiến D trú tại khu phố K, phường H, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H kết hôn với anh Nguyễn Tiến D trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị H và anh D đều thừa nhận khi chung sống có nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, không thể bàn bạc, trao đổi, thống nhất bất kỳ vấn đề gì trong cuộc sống. Nguyên nhân do anh D ham chơi, không tu chí làm ăn, ảnh hưởng tới kinh tế gia đình. Bản thân anh D cũng thừa nhận là người có lỗi và hứa sửa chữa. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành H giải nhiều lần nhưng chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, anh D không đồng ý ly hôn nhưng cũng không đưa ra được biện pháp nào thuyết phục chị H đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh D đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Tiến D.

Về con chung: Chị H và anh D có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh Tiến, sinh năm 2000 và cháu Nguyễn Doãn Sỹ, sinh năm 2002. Các cháu đã trưởng thành, phát triển khỏe mạnh, chị H và anh D không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Chị H, anh D không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 4 Điều 147; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 8, 9, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Tiến D.

Về con chung, tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyêt.

Án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2021/0004000 ngày 27/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Từ Sơn. Chị H đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Từ Sơn;
- TAND, VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan THADS thành phố Từ Sơn;
- UBND phường Hương Mạc;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Hồng Thanh